

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ Q
TỈNH QUẢNG NINH

--- * ---

Số: 02/2020/QĐST-KDTM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Q, ngày 09 tháng 3 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

-Căn cứ vào Điều 212,213 của Bộ luật tố tụng dân sự.

-Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành ngày 28 tháng 02 năm 2020 Về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau việc giải quyết toàn bộ vụ án tranh chấp KDTM lý số: 11/2019/TLST– KDTM ngày 23 tháng 12 năm 2019. V/v: ***“Kiện đòi nợ theo hợp đồng tín dụng”***

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải thành ngày 28/02/2020 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện, nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Ngân hàng A

Địa chỉ: Tháp B, phường C, Quận D, thành phố Hà Nội. Đại diện theo pháp luật ông Phan Đức E- Chức vụ: Tổng giám đốc. Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Ba F - Chức vụ: Kiểm soát Phòng quản lý rủi ro Ngân hàng A.

- **Bị đơn**: Ông Vũ Trọng G, sinh năm 1969

Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1969

Địa chỉ: Khu K, phường M, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Tính đến ngày 28/02/2020 ông Vũ Trọng G và bà Nguyễn Thị H còn nợ Ngân hàng A số tiền 2.017.304.824đ (*Hai tỷ không trăm mười bảy triệu, ba trăm linh bốn nghìn, tám trăm hai mươi tư đồng*); trong đó nợ gốc: 1.045.000.000đ; nợ lãi là 676.417.534đ; nợ lãi quá hạn: 295.887.290đ và các khoản lãi phát sinh Theo hợp

đồng hạn mức tín dụng số HM.0015.11/HĐTD ngày 28.01.2011, phụ lục Hợp đồng số HM.0015.11/ PLHĐTD.01 ngày 09/5/2013. Nay Ngân hàng A khởi kiện yêu cầu ông Vũ Trọng G và bà Nguyễn Thị H phải trả toàn bộ khoản nợ trên cho Ngân hàng.

Ông Vũ Trọng G và bà Nguyễn Thị H đồng ý trả cho Ngân hàng A tổng số tiền 2.017.304.824đ (*Hai tỷ không trăm mười bảy triệu, bốn trăm linh bốn nghìn, tám trăm hai mươi tư đồng*); trong đó nợ gốc: 1.045.000.000đ; nợ lãi là 676.417.534đ; nợ lãi quá hạn: 295.887.290đ và các khoản lãi phát sinh Theo hợp đồng hạn mức tín dụng số HM.0015.11/HĐTD ngày 28.01.2011, phụ lục Hợp đồng số HM.0015.11/PLHĐTD.01 ngày 09/5/2013 cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

Kể từ ngày quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực nếu ông Vũ Trọng G và bà Nguyễn Thị H không thực hiện việc trả nợ như đã thỏa thuận (trả không đúng hoặc trả không đủ hoặc không trả) thì ông Vũ Trọng G và bà Nguyễn Thị H đồng ý cho Ngân hàng A gửi đơn yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự phát mại tài sản đảm bảo của khoản vay để thu hồi toàn bộ khoản nợ, theo lãi suất thỏa thuận tại Theo hợp đồng hạn mức tín dụng số HM.0015.11/HĐTD ngày 28.01.2011, phụ lục Hợp đồng số HM.0015.11/ PLHĐTD.01 ngày 09/5/2013.

-Tài sản đảm bảo cho khoản vay cụ thể là:

Toàn bộ quyền sử dụng 90m2 đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ thửa đất: Khu N, xã L, huyện R, tỉnh Quảng Ninh (Nay là Khu K, phường M, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh). Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 789087, vào sổ cấp giấy chứng nhận 01308 do UBND huyện R (nay là thị xã Q) cấp ngày 21/9/2001 mang tên ông Vũ Trọng G.

Trong trường hợp số tiền phát mại/thu hồi từ tài sản đảm bảo vẫn không đủ trả nợ cho Ngân hàng, ông Vũ Trọng G và bà Nguyễn Thị H phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

3. Về án phí: Ông Vũ Trọng G và bà Nguyễn Thị H phải chịu toàn bộ số tiền án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm là: 36.346.096đ (làm tròn) (*Bằng chữ: Ba mươi sáu triệu, ba trăm bốn mươi sáu nghìn, không trăm chín mươi sáu đồng*). Chia theo phần: Ông Vũ Trọng G và bà Nguyễn Thị H mỗi người phải chịu số tiền 18.173.000đ (Làm tròn) (*Mười tám triệu, một trăm bảy mươi ba nghìn đồng*).

-Trả lại cho Ngân hàng A toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 36.000.000đ (*Ba mươi sáu triệu đồng*) tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001632 ngày 19/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Q.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi thành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 –Luật thi hành án dân sự.

TÒA ÁN NHÂN DÂN THI XÃ Q
Thẩm phán

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKS ND TX Q.
- TAND tỉnh Quảng Ninh.
- Chi cục thi hành án dân sự TX. Q.
- Hồ sơ; VP.

Nguyễn Chí Mạnh